

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Điều dưỡng

Mã ngành: 6720301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông/tương đương

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng đa khoa đáp ứng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng viên Việt Nam; có kiến thức khoa học cơ bản; có kiến thức và kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ ở trình độ Cao đẳng; có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ đúng đắn, để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân và hành nghề đúng pháp luật; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động Điều dưỡng, nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và tự học vươn lên.

2. Chuẩn đầu ra:

CDR 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc.

CDR 2. Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.

CDR 3. Áp dụng quy trình điều dưỡng vào chăm sóc người bệnh thông qua việc xác định nhu cầu chăm sóc, các vấn đề ưu tiên, ra quyết định chăm sóc phù hợp. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, phục hồi chức năng đúng quy trình; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn, hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

CDR 4. Nhận định đúng, kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng.

CDR 5. Hợp tác với các thành viên trong nhóm, sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, cá phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

CDR 6. Tham gia quản lý công tác chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác để chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.

CDR 7. Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh.

CDR 8. Thể hiện/Chứng minh được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

Khóa học: 2023 - 2026 (Lớp CĐDD6A1)

Thời gian khóa học: 3 năm (từ tháng 8/2023 đến tháng 8/2026)

Thời gian học tập: 129 tuần, trong đó thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, thời gian xét và cấp bằng tốt nghiệp: 20 tuần.

Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 27 tuần

Quyết định phê duyệt chương trình: Quyết định số 126/QĐ-CDYT ngày 08/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh

I-BẢNG PHÂN PHỐI SỐ GIỜ HỌC

Stt	Các môn học	Tín chỉ	Tổng số giờ	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Thực tập (giờ)	Kiểm tra (giờ)	Chia theo năm học sinh					
								Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba	
								Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV	Học kỳ V	Học kỳ VI
1	Chính trị	4	75	41	29		5	75					
2	GDTC	2	60	5	51		4	60					
3	Tin học	3	75	15	58		2	75					
4	Pháp luật	2	30	18	10		2	30					
5	TACB	5	120	42	72		6	120					
6	GDQP-AN	3	75	36	35		4		75				
7	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	30	29	0		1		30				
8	Cấu tạo và chức năng của cơ thể 1	2	48	16	31		1		48				
9	Cấu tạo và chức năng cơ thể người 2	2	35	30	4		1		35				
10	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	2	32	31	0		1		32				
11	Giao tiếp trong thực hành ĐD	2	48	16	30		2			48			
12	Điều dưỡng cơ sở I	3	88	36	47		5		88				
13	Tâm lý người bệnh - Y đức	2	31	30	0		1		31				
14	Điều dưỡng cơ sở II	3	100	21	71		8			100			
15	Thực tập điều dưỡng cơ sở	3	135	0		133	2			135			
16	Chăm sóc sức khỏe người lớn 1	3	51	44	5		2			51			
17	Chăm sóc sức khỏe người lớn 2	3	48	42	4		2			48			
18	Môi trường và sức khỏe	2	31	30	0		1			31			
19	Chăm sóc sức khỏe người lớn 3	3	45	43	0		2				45		
20	Thực tập CSSK người lớn Nội khoa	3	135	0		133	2				135		
21	Thực tập CSSK người lớn Ngoại-T.nhiễm	3	135	0		133	2				135		
22	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	32	31	0		1				32		
23	Thực tập CSSK trẻ em	3	135	0		133	2				135		
24	Tổ chức và QL y tế - pháp luật y tế	2	32	31	0		1				32		
25	Chăm sóc sức khỏe lão khoa	2	31	30	0		1					31	

26	Chăm sóc SK phụ nữ-BM và gia đình	2	32	31	0		1					32	
27	Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ	3	135	0		133	2					135	
28	Chăm sóc NB chuyên khoa hệ Nội	2	32	31	0		1					32	
29	Chăm sóc NB chuyên khoa hệ Ngoại	2	33	28	4		1					33	
30	Điều dưỡng cộng đồng	3	136	15	0	120	1					136	
31	Thông kê y học - Quản lý - Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	2	39	30	8		1					39	
32	Thực tập tốt nghiệp	5	280			272	8						280
Môn học, mô đun tự chọn													
<i>Tự chọn 1</i>													
33	Lý thuyết tự chọn 1	2	31	30	0		1						31
34	Lâm sàng tự chọn 1	3	135	0		133	2						135
<i>Tự chọn 2</i>													
35	Lý thuyết tự chọn 2	2	31	30	0		1						31
36	Lâm sàng tự chọn 2	3	135	0		133	2						135
Tổng số		95	2676	812	459	1323	82	360	339	413	514	438	612

II- LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Tháng	8			9				10				11				12				1				2				3				4				5				6				7				8												
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55					
Năm I				G D													*	*			T	T	H			X	X		O	O																	*	*	T	T	H	H	O	O	O	O	O	O	O	O
Năm II																						O	O																				*	*	T	T	H	H	O	O	O	O	O	O	O	O				
Năm III																						O	O																				*	*	H	O	O	O	O	O	O	O								
Năm IV	H	H	T N	Ra trường																																																								

G D	GDC D	X	GD QP		Học LT & TH	*	Dự trữ	T	T hi	H	Học lại và thi lại	O O	Nghỉ	- -	Thực tập	T N	Xét TN
--------	----------	---	----------	--	----------------	---	-----------	---	---------	---	--------------------------	--------	------	--------	-------------	--------	-----------

III-PHÂN PHỐI THỜI GIAN TOÀN KHÓA (THEO TUẦN)

Năm học	Lý thuyết và thực hành môn học	Các loại hình TT		Thi		Nghỉ		Học GD công dân	Dự trữ	Học lại và thi lại	Tổng số	Ghi chú
		TN	Khác	Học kỳ	Tốt nghiệp	Hè	Tết					
I	27			5		5	2	1	2	4	46	
II	17		16	6		5	2		2	4	52	
III	13	7	15	5		5	2		2	3	52	

IV					3						3	
Tổng số tuần	57	7	31	16	3	15	6	1	6	11	153	

IV-THỰC TẬP

Các loại hình thực tập	Địa điểm	Học kỳ	Số tuần	Quy ra giờ	Số giờ kết hợp lao động sản xuất theo ngành nghề	Ghi chú
Thực tập lâm sàng	BV ĐK Bắc Ninh, BVSân-Nhi BN	III, IV, V, VI	28	1120		
Thực tập cộng đồng	Trạm y tế xã	V	3	120		
Thực tập tốt nghiệp	Các bệnh viện ĐK huyện	VI	7	280		

V-XÉT VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Stt	Điều kiện	Thời gian (số tuần)	Ghi chú
1	Tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho chương trình; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên; - Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học, mô đun thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định; - Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự; - Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học; - Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.	4	
2	Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.		

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Dung

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Dược

Mã ngành: 6720201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông/tương đương

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Dược sỹ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật vào chuyên môn dược;
- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam;
- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược;
- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc;
- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các dạng bào chế;
- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);
- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng;
- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm;
- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc;
- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng;
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp;
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi;
- Phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý;
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2. Kỹ năng

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp;
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP;
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản xuất, kho thuốc, quầy thuốc;
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;
- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định;
- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;
- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển;

- Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định;
- Hủy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định;
- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản;
- Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định;
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân;
- Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ;
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý;
- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;
- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc;
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình;
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định;
- Xử lý được thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi;
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao;
- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR);
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;
- Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược;
- Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất;
- Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả;
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm;
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

Khóa học: 2023 - 2026 (Lớp CĐD6A1)

Thời gian khóa học: 3 năm (từ tháng 8/2023 đến tháng 8/2026)

Thời gian học tập: 129 tuần, trong đó thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, thời gian xét và cấp bằng tốt nghiệp: 20 tuần.

Thời gian nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 27 tuần

Quyết định phê duyệt chương trình: Quyết định số 240/QĐ-CDYT ngày 26/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh

I-BẢNG PHÂN PHỐI SỐ GIỜ HỌC

Stt	Các môn học	Tín chỉ	Tổng số giờ	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Thực tập (giờ)	Kiểm tra (giờ)	Chia theo năm học						
								Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		
								Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV	Học kỳ V	Học kỳ VI	
1	Chính trị	4	75	41	29		5	75						
2	GDTC	2	60	5	51		4	60						
3	Tin học	3	75	15	58		2	75						
4	Pháp luật	2	30	18	10		2	30						

5	TACB	5	120	42	72		6	120					
6	GDQP-AN	3	75	36	35		4		75				
7	TACN	2	32	31	0		1		32				
8	Hoá hữu cơ	3	64	31	31		2		64				
9	Viết và đọc tên thuốc	2	48	15	32		1		48				
10	Hóa phân tích I	3	64	31	31		2		64				
11	Thực vật Dược	4	92	30	60		2		92				
12	Hóa phân tích II	3	77	15	60		2			77			
13	Hoá sinh	2	32	31			1			32			
14	Y học 1	2	40	31	8		1			40			
15	Y học 2	3	47	45			2			47			
16	Dược liệu 1	3	64	30	32		2			64			
17	Dược liệu 2	2	48	15	32		1			48			
18	Hóa dược -Dược lý I	4	80	46	32		2				80		
19	Hóa dược -Dược lý II	4	92	30	60		2				92		
20	QL tồn trữ thuốc và DC y tế	2	52	19	32		1				52		
21	Bào chế 1	3	64	30	32		2					64	
22	Bào chế 2	3	64	30	32		2					64	
23	Hóa dược -Dược lý III	4	96	34	60		2				96		
24	Kiểm nghiệm	3	80	30	48		2				80		
25	Dược lâm sàng	3	192	31	0	156	5					192	
26	Quản lý dược	3	40	39			1					40	
27	Kinh tế dược	2	32	31	0		1					32	
28	KN giao tiếp bán hàng	2	48	15	32		1					48	
29	Marketing dược	2	48	15	32		1						48
30	Thực tế ngành	8	480		0	472	8						480
31	Môn tự chọn 1	2	48	15	32		1						48
32	Môn tự chọn 2	2	48	15	32		1						48
	Tổng số	95	2507	842	965	628	72	360	375	308	400	440	624

II- LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Tháng	8			9			10			11			12			1			2			3			4			5			6			7			8																
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	
Năm I				G												*				T	T					O	O		X	X										*	T	T	H	H	O	O	O	O	O	O	O		
Năm II																*	T	T	T	H	H	O	O																*	T	T	H	H	O	O	O	O	O	O	O	O		
Năm III																-	-	-	-	*	T	T	T	H	H	O	O			T	T	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*	H	O	O	O	O	O		
Năm IV	H	H	T																																																		

<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>G</td></tr><tr><td>D</td></tr></table>	G	D	GDC D	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>X</td></tr></table>	X	GD QP	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td> </td></tr></table>		Học LT & TH	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>*</td></tr><tr><td>*</td></tr></table>	*	*	Dự trữ	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>T</td></tr></table>	T	T hi	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>H</td></tr></table>	H	Học lại và thi lại	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>O</td></tr><tr><td>O</td></tr></table>	O	O	Nghi	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>-</td></tr><tr><td>-</td></tr></table>	-	-	Thực tập	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>T</td></tr><tr><td>N</td></tr></table>	T	N	Xét TN
G																															
D																															
X																															
*																															
*																															
T																															
H																															
O																															
O																															
-																															
-																															
T																															
N																															

III-PHÂN PHỐI THỜI GIAN TOÀN KHÓA (THEO TUẦN)

Năm học	Lý thuyết và thực hành môn học	Các loại hình TT		Thi		Nghỉ		Học GD công dân	Dự trữ	Học lại và thi lại	Tổng số	Ghi chú
		TN	Khác	Học kỳ	Tốt nghiệp	Hè	Tết					
I	27			5		5	2	1	2	4	46	
II	33			6		5	2		2	4	52	
III	18	12	4	5		5	2		2	4	52	
IV					3						3	
Tổng số tuần	78	12	4	16	3	15	6	1	6	12	153	

IV-THỰC TẬP

Các loại hình thực tập	Địa điểm	Học kỳ	Số tuần	Quy ra giờ	Số giờ kết hợp lao động sản xuất theo ngành nghề	Ghi chú
Thực tập lâm sàng	BV ĐK Bắc Ninh, BV Sân-Nhi BN	V	4	160		
Thực tập tốt nghiệp	Các chi nhánh được của CTCPDPLC	VI	12	480		

V-XÉT VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Stt	Điều kiện	Thời gian (số tuần)	Ghi chú
1	Tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho chương trình; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên; - Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học, mô đun thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định; - Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự; - Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học; - Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.	4	
2	Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.		

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Dung

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Dược

Mã ngành: 6720201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông/tương đương và tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Dược sỹ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật vào chuyên môn dược;
- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam;
- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược;
- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc;
- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các dạng bào chế;
- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);
- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng;
- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm;
- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc;
- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng;
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp;
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi;
- Phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý;
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2. Kỹ năng

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp;
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP;
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản xuất, kho thuốc, quầy thuốc;
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc,

thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;

- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định;
- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;
- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển;
- Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định;
- Hủy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định;
- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản;
- Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định;
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân;
- Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ;
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý;
- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;
- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc;
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình;
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định;
- Xử lý được thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi;
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao;
- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR);
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;
- Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược;
- Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất;
- Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả;
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm;
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

Khóa học: 2023 - 2025 (Lớp CĐD6A3)

Thời gian khóa học: 2,0 năm (từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2025)

Thời gian học tập: 83 tuần, trong đó thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, thời gian xét, cấp bằng tốt nghiệp: 14 tuần.

Thời gian nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 11 tuần

Quyết định phê duyệt chương trình: Quyết định số 240/QĐ-CDYT ngày 26/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh

I-BẢNG PHÂN PHỐI SỐ GIỜ HỌC

Stt	Các môn học	Tin chỉ	Tổng số giờ	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Thực tập (giờ)	Kiểm tra (giờ)	Chia theo năm học sinh					
								Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba	
								Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV	Học kỳ V	Học kỳ VI
1	Chính trị	1	16	15			1	16					
2	GDTC	1	32		31		1	32					
3	GDQP-AN	1	30	19	10		1	30					
4	Pháp luật	1	16	15			1	16					
5	Tin học	1	32		31		1	32					
6	TACN	2	32	31			1	32					
7	Hoá hữu cơ	3	64	31	31		2	64					
8	Viết và đọc tên thuốc	2	48	15	32		1	48					
9	Thực vật Dược	4	92	30	60		2	92					
10	Hóa phân tích I	3	64	31	31		2		64				
11	Hoá sinh	2	32	31			1		32				
12	Hóa phân tích II	3	77	15	60		2		77				
13	Y học 1	2	40	31	8		1		40				
14	Y học 2	3	47	45			2		47				
15	Dược liệu 1	3	64	30	32		2		64				
16	Dược liệu 2	2	48	15	32		1			48			
17	Hóa dược -Dược lý I	4	80	46	32		2			80			
18	Hóa dược -Dược lý II	4	92	30	60		2			92			
19	QL tồn trữ thuốc-DCYT	2	52	19	32		1			52			
20	Hóa dược -Dược lý III	4	96	34	60		2			96			
21	Kiểm nghiệm	3	80	30	48		2				80		
22	Bào chế 1	3	64	30	32		2				64		
23	Bào chế 2	3	64	30	32		2				64		
24	Dược lâm sàng	4	192	31		156	5				192		
25	Quản lý dược	2	40	39			1				40		
26	Kinh tế dược	2	32	31			1				32		
27	KN giao tiếp	2	48	15	32		1					48	
28	Thực tế ngành	8	480			472	8					480	
29	Marketing dược	2	48	15	32		1					48	
30	Tự chọn 1	2	48	15	32		1					48	
31	Tự chọn 2	2	48	15	32		1					48	
	Tổng số	81	2198	734	782	628	54	362	324	368	472	672	

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Y sỹ đa khoa

Mã ngành: 5720101

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông/tương đương

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người lao động có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ trung cấp, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về:

+ Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người.

+ Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khoẻ con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khoẻ.

- Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường.

- Trình bày được Luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường.

- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở.

- Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng.

- Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở.

- Tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch.

- Truyền thông giáo dục sức khoẻ; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khoẻ ở tuyến y tế cơ sở.

- Quản lý trạm y tế xã.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

Khóa học: 2023 - 2025 (Lớp Ys14)

Thời gian khóa học: 2 năm (từ tháng 08/2023 đến tháng 08/2025)

Thời gian học tập: 88 tuần, trong đó thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, thời gian ôn và thi tốt nghiệp: 16 tuần.

Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 16 tuần

Quyết định phê duyệt chương trình: Quyết định số 194/QĐ-CDYT ngày 21/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh

I-BẢNG PHÂN PHỐI SỐ GIỜ HỌC

Stt	Các môn học	Tín chỉ	Tổng số giờ	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Thực tập (giờ)	Kiểm tra (giờ)	Chia theo năm học			
								Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
								Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV
1	Giáo dục Quốc phòng	2	45	21	21		3		45		
2	Giáo dục thể chất	1	30	4	24		2	30			
3	Giáo dục chính trị	2	30	15	13		2	30			
4	Tiếng Anh cơ bản	4	90	30	56		4	90			
5	Tin học	2	45	15	29		1	45			
6	P.luật	1	15	9	5		1	15			
7	Giải phẫu - Sinh lý	5	94	60	30		4	94			
8	Dược	3	62	30	30		2	62			
9	ĐDCB-KTĐD	3	63	30	30		3	63			
10	VSKST	2	31	30			1	31			
11	D.dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	31	30			1			31	
12	VSPB	2	31	30			1			31	
13	Kỹ năng GT - Giáo dục SK	3	62	30	30		2				62
14	Quản lý và tổ chức y tế	2	31	30			1				31
15	Bệnh nội khoa	5	77	75			2	77			
16	Bệnh ngoại khoa	4	62	60			2	62			
17	Sức khỏe trẻ em	5	77	75			2		77		
18	Sức khỏe sinh sản	5	92	60	30		2			92	
19	Bệnh truyền nhiễm và xã hội	5	77	75			2		77		
20	Bệnh chuyên khoa	4	62	60			2				62
21	Y tế cộng đồng	3	62	30	30		2		62		
22	Y học cổ truyền	3	62	30	30		2			62	
23	Phục hồi chức năng	2	31	30			1			31	
24	Khởi tạo doanh nghiệp	2	31	30			1			31	

25	Thực tập lâm sàng ĐDCB - KTĐD	1	80			80			80		
26	Thực tập lâm sàng Nội khoa	3	160			160			160		
27	Thực tập lâm sàng ngoại khoa	3	160			160				160	
28	Thực tập lâm sàng Sản phụ khoa	1	80			80					80
29	Thực tập lâm sàng Nhi khoa	3	160			160					160
30	Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm	2	80			80				80	
31	Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền	1	80			80				80	
32	Thực tập cộng đồng	1	80			80			80		
33	Thực tập tốt nghiệp	3	200			200					200
Tổng số		90	2373	889	358	1080	46	599	581	598	595

II- LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Tháng	8			9				10			11				12				1		2			3				4			5				6				7		8														
Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52			
Năm I				G													*				T	T	T	T	H	H					O	O	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*										
Năm II				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*			*	T	T	H	H	O	O	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*			T	T	H	H	-	-	-	-	-	O	O	O	O	
Năm III	T	T		Ra trường																																																			

G	D	GDC	D	X	GD	QP		Học LT & TH	*	*	Dự	trữ	T	T	hi	H	Học lại	và	thi	lại	O	O	Nghỉ	-	-	TTT	N	-	-	TT	sáng	T	N	Thi	TN
---	---	-----	---	---	----	----	--	-------------	---	---	----	-----	---	---	----	---	---------	----	-----	-----	---	---	------	---	---	-----	---	---	---	----	------	---	---	-----	----

III-PHÂN PHỐI THỜI GIAN TOÀN KHÓA (THEO TUẦN)

Năm học	Lý thuyết và thực hành môn học	Các loại hình TT		Thi		Nghỉ		Học GD công dân	Dự trữ	Học lại và thi lại	Tổng số	Ghi chú
		TN	Khác	Học kỳ	Tốt nghiệp	Hè	Tết					
I	20		12	6		5	2	1	2	4	52	
II	16	5	14	4		5	2		2	4	52	
III					2						2	
Tổng số tuần	36	5	26	10	2	10	4	1	4	8	106	

IV-THỰC TẬP

Các loại hình thực tập	Địa điểm	Học kỳ	Số tuần	Quy ra giờ	Số giờ kết hợp lao động sản xuất theo ngành nghề	Ghi chú
Thực tập lâm sàng	BV ĐK Bắc Ninh, BV Sản-Nhi BN	III, IV, V, VI	20	800		
Thực tập cộng đồng	Trạm y tế xã	V	2	80		
Thực tập tốt nghiệp	Các bệnh viện ĐK huyện	VI	5	200		

V-THI TỐT NGHIỆP

Stt	Nội dung	Hình thức (khám, hỏi đáp, viết)	Thời gian (số tuần)	Ghi chú
1	Lý thuyết tổng hợp: - Các môn học cơ sở: Giải phẫu sinh lý, Dược lý - Các môn học chuyên môn: Bệnh học Nội khoa, Bệnh học ngoại khoa, Sức khoẻ trẻ em, Sức khoẻ sinh sản, Bệnh truyền nhiễm, xã hội	Thi viết	150 phút	
2	Thực hành nghề nghiệp: Làm bệnh án trên bệnh nhân cụ thể tại các khoa (Nội, Ngoại, Sản - Phụ, Nhi) của bệnh viện	Thi khám, hỏi đáp	240 phút	

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Dung